TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH T**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 142/2023/QĐST-HNGĐ	*L, ngày 28 tháng 11 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 202/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Chị T T T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Khu P, xã L, huyện L, tỉnh T.

- Bị đơn: Anh H V T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Khu P, xã L, huyện L, tỉnh T**.**

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Thanh Hải – Trợ giúp viên pháp lý Trung T trợ giúp pháp lý tỉnh T.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Phạm Thị Thắm – Trợ giúp viên pháp lý Trung Tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà B T T, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Khu P, xã L, huyện L, tỉnh T.

2. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện L – Người đại diện theo ủy quyền là ông N X T – Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện L, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 điều 12; Điều 14; Khoản 5 điều 15 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và khoản 1, 3 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 11 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị T T T và anh H V T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Hai bên tự nguyện thỏa thuận, chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu H K L , sinh ngày 18/7/2016. Anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu H T Y N , sinh ngày 08/7/2021 và cháu H T K A , sinh ngày 13/3/2015, kể từ khi vợ chồng ly hôn đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung vì hai bên tự nguyện không yêu cầu.

Chị T và anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung, các thành viên trong gia đình không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung, công sức*: Hai bên đều không đề nghị tòa án giải quyết.

- *Về nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự tự nguyện thỏa thuận cụ thể như sau:*

+ Chị T có nghĩa vụ trả cho bà B T T tiền gốc 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và lãi suất là 50.000 đồng/tháng. Tổng cộng là 5.050.000đ (Năm triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Anh T có nghĩa vụ trả cho bà B T T tiền gốc 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và lãi suất là 50.000 đồng/tháng. Tổng cộng là 5.050.000đ (Năm triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Thời hạn trả nợ vào ngày 30/12/2023.

Khi đến hạn trả nợ mà chị T, anh T không trả nợ cho bà B T T, như đã thoả thuận thì chị T, anh T còn phải trả lãi cho bà T tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên đương sự nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì T hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

+ Chị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách Việt Nam- Phòng giao dịch L, số tiền gốc 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) và lãi suất hàng tháng theo hợp đồng. Anh T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách số tiền gốc 25.000.000đ ((Hai mươi lăm triệu đồng) và lãi suất hàng tháng theo hợp đồng, cho đến khi trả nợ xong.

Thời điểm thanh toán khoản tiền lãi phát sinh trên khoản tiền nợ gốc được tính từ ngày 07/11/2023 theo mức lãi suất các bên đã thoả thuận tại Sổ vay vốn.

- *Về án phí:* Chị T T T và anh H V T đều là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và đều có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị T T T và anh H V T theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được T hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã C, H. S;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP./.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Thảo